

CHÍNH THỨC HÓA TÀI CHÍNH VI MÔ NHẪM TĂNG CƯỜNG TIẾP CẬN TÍN DỤNG CỦA NGƯỜI NGHÈO

ĐINH THỊ MỸ HẠNH
NGUYỄN THỊ NGÀ

Tóm tắt: Bài viết tìm hiểu nguyên nhân hạn chế tiếp cận tín dụng chính thức của người nghèo, những lợi ích của các tổ chức tài chính vi mô đem lại; điểm qua quá trình phát triển tài chính vi mô (TCVM), đặc biệt là kết quả quá trình chính thức hóa TCVM tại Việt Nam, từ đó nêu ra một số khuyến nghị chính sách.

Từ khóa: Tài chính vi mô, tiếp cận tín dụng, người nghèo

MICRO FINANCE FORMALIZATION TO ENHANCE CREDIT ACCESS OF THE POOR

Abstract: The article studies the causes of limited access to official credit of the poor, benefits brought along by the micro finance institutions; looks at the development process of micro finance, especially the outcomes from the formalization of micro finance in Vietnam, then proposes several policy recommendations.

Key words: micro finance, credit access, the poor

Xóa đói, giảm nghèo là mục tiêu quan trọng trong chiến lược phát triển của mỗi quốc gia. Cách thức hiệu quả và bền vững để giảm nghèo là người nghèo cần được tạo cơ hội tiếp cận với các phương tiện phát triển kinh tế, như vốn, kỹ thuật... Tuy nhiên, việc tiếp cận các dịch vụ này trên thị trường chính thức còn nhiều bất cập. Để cao vai trò của Nhà nước trong việc xây dựng thị trường tín dụng chính thức dành cho người nghèo và người có thu nhập thấp thông qua chính thức hóa các tổ chức tài chính vi mô (MFI-Microfinance Institution) là một cách thức giúp tăng cơ hội tiếp cận tín dụng cho người nghèo, góp phần giúp giảm đói nghèo.

1. Bối cảnh chính sách

Với thị trường tín dụng chính thức, rất ít người nghèo tiếp cận được. Việt Nam với trên 90 triệu dân nhưng chỉ có 6% người nghèo được tiếp cận với các dịch vụ tài chính chính thống. Nguyên nhân các NHTM từ chối cho vay đối tượng này là do thông tin về lịch sử tín dụng của người nghèo hạn chế. Nhu cầu về giá trị khoản vay nhỏ, khiến chi phí cao cho việc tìm kiếm

thông tin và quản lý khách hàng; việc không có tài sản thế chấp dễ dẫn đến rủi ro tín dụng. Thêm một phần vì tâm lý e ngại của người nghèo khi đến những nơi sang trọng như trụ sở ngân hàng, khiến cánh cửa thị trường tài chính chính thức gần như hoàn toàn đóng lại với họ.

Để được tiếp cận vốn, người nghèo đã tìm đến tín dụng phi chính thức (hay tín dụng đen), bao gồm các cá nhân cho vay nặng lãi, hội, họ... Nguồn vốn được chuyển giao theo những thỏa thuận "ngầm" với thủ tục đơn giản, lãi suất cao vượt nhiều lần quy định của pháp luật. Chính vì sự thiếu minh bạch của tín dụng đen mà nhiều người dân do hiểu biết hạn chế về tài chính có thể bị lừa đảo, chịu mức lãi khủng (có thể đến 70%/năm), kéo theo hàng loạt hiểm họa như: chiếm đoạt số tiền vay mượn, đòi nợ thuê, dẫn đến bán cùng, nghèo đói.

Kinh nghiệm thế giới và Việt Nam đều cho thấy tài chính vi mô (TCVM) là cách thức hiệu quả giúp giảm đói nghèo. Tuy nhiên, việc tiếp cận nguồn vốn vay hiện nay của người nghèo tại Việt Nam, phần lớn dựa vào các MFI bán chính thức (các tổ chức phi chính

phủ-NGOs, các quỹ từ thiện...) chưa hiệu quả. Chưa có quy định cụ thể nào bắt buộc MFI bán chính thức phải minh bạch hóa thông tin về cách tính lãi suất, phí hay trả lãi cho các khoản tiết kiệm bắt buộc, khiến người nghèo phần lớn hiểu biết hạn chế về tài chính, phải chịu mức lãi suất, phí dịch vụ cao, hoặc khoản tiết kiệm bắt buộc không được trả lãi tương xứng. Trong khi đó, 3 MFI chính thức được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) cấp phép (chiếm 5,8% tổng số MFI), cũng gặp khó khăn bởi các quy định về thuế thu nhập, yêu cầu quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn hoạt động. Các quy định về thủ tục chuyển đổi phức tạp, hạn chế sự gia nhập thị trường TCVM chính thức-làm giảm cơ hội tiếp cận tín dụng của người nghèo.

Báo cáo đánh giá chương trình TCVM khu vực châu Á và Thái Bình Dương do Bộ phận đánh giá độc lập của Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) chỉ ra rằng, thương mại hóa TCVM ngày càng được mở rộng trong khu vực do đó cần đảm bảo sự bền vững thể chế từ những MFI; để đảm bảo sự tiếp cận tài chính cho đa số hộ nghèo và thu nhập thấp, cũng như các

doanh nghiệp nhỏ, ADB cần tiếp tục tích hợp các chương trình và chiến lược của TCVM vào hệ thống tài chính chính thống.

Như vậy, các MFI mang lại cơ hội tiếp cận nguồn vốn chính thức cho người nghèo. Tuy nhiên việc hoạt động dưới hình thức bán chính thức tiềm ẩn bất cập và rủi ro đối với cả khách hàng lẫn các MFI. Để thực sự đảm bảo tiếp cận tín dụng lâu dài và bền vững, TCVM cần được hoạt động theo những nguyên tắc thị trường nhằm đảm bảo minh bạch và bảo vệ khách hàng dựa trên khung pháp lý rõ ràng. Do đó, việc hình thành một thị trường TCVM chính thức tồn tại bên cạnh thị trường tín dụng chính thức truyền thống, sẽ giúp cho việc tiếp cận với các cơ hội giúp cải thiện đời sống của người nghèo và người thu nhập thấp hiệu quả hơn.

2. Nguyên nhân hạn chế tiếp cận tín dụng của người nghèo và sự can thiệp của Nhà nước

a. Nguyên nhân hạn chế tiếp cận tín dụng của người nghèo

Thị trường tín dụng nông thôn bất lợi về mặt địa lý, khu vực sinh sống trải rộng dẫn đến những người cho vay không sống cùng địa phương không thể có sự đánh giá chính xác về khả năng trả nợ của các khách hàng. Bên cạnh đó sự tồn tại bất cân xứng thông tin (BCXTT), thiếu thông tin về người vay, khả năng trả nợ cũng như hành động sử dụng khoản vay, khiến người cho vay khó phân biệt chính xác mức độ rủi ro giữa các khách hàng, dẫn đến hai hậu quả là lựa chọn ngược, người cho vay ra quyết định không cho vay đối với khách hàng "tốt", cho vay khách hàng "xấu"; và rủi ro đạo đức khi khoản tín dụng được cung cấp không được sử dụng đúng mục đích và người vay không có



Kinh nghiệm thế giới và Việt Nam đều cho thấy tài chính vi mô (TCVM) là cách thức hiệu quả giúp giảm đói nghèo

động cơ hoàn trả.

Để hạn chế rủi ro, các TCTD buộc phải sử dụng các điều kiện ràng buộc, thông qua lãi suất, yêu cầu tài sản thế chấp, hầu như người nghèo không đáp ứng được yêu cầu này, nên họ sẽ bị loại ra khỏi đối tượng tiếp cận của hệ thống ngân hàng chính thức.

b. Sự can thiệp của Nhà nước tác động đến tiếp cận tín dụng của người nghèo

Các chương trình cung cấp tín dụng

Để giải quyết vấn đề người nghèo không tiếp cận được vốn từ hệ thống ngân hàng, chính phủ nhiều nước đã dành nguồn lực đáng kể để cung cấp tín dụng giá rẻ cho người nghèo, nhưng phần lớn những cuộc can thiệp này chưa hiệu quả. Chính phủ cung cấp những khoản vay ưu đãi (thậm chí không cần phải hoàn trả) hay chỉ định các NHTM cho vay những lĩnh vực, đối tượng ưu tiên. Tuy nhiên, những khoản tài trợ mang tính chất cho không thường dẫn đến tâm lý ỷ lại. Các chương trình chỉ định thực hiện bởi NHTM cho thấy, để tăng thu nhập của người nghèo thêm 1 đồng, thì chi phí cho việc mở và vận hành chi nhánh mới cao hơn 1 đồng nhiều lần (Banerjee và Duflo, 2012, pp 157-182).

Chi phí giao dịch và vấn đề thế chấp

Theo North (1990), hầu hết

VIỆC HÌNH
THÀNH MỘT
THỊ TRƯỜNG
TCVM CHÍNH
THỨC, TỒN TẠI
BÊN CẠNH THỊ
TRƯỜNG TÍN
DỤNG CHÍNH
THỨC TRUYỀN
THỐNG, SẼ GIÚP
CHO VIỆC TIẾP
CẬN VỚI CÁC
CƠ HỘI GIÚP
CẢI THIỆN ĐỜI
SỐNG CỦA
NGƯỜI NGHÈO
VÀ NGƯỜI THU
NHẬP THẤP
HIỆU QUẢ HƠN

các thị trường đều tồn tại BCXTT, do đó các bên tham gia tốn kém chi phí tìm kiếm thông tin, đánh giá, kiểm soát và thực thi các thỏa thuận, khiến chi phí giao dịch (CPGD) đắt đỏ. Việc thực thi các thỏa thuận có thể là kết quả của ba yếu tố: những quy tắc thi hành bên trong, các chế tài xã hội hay sức ép của một bên thứ ba. Coase (1960) cho rằng thiết lập một thể chế nghiêm ngặt giúp hạn chế tối thiểu CPGD, hoặc nếu tồn tại chi phí thì các bên tiếp cận được thông tin cần thiết để xác định được mô hình giao dịch đúng. North (1990) cũng cho rằng có nhiều luật lệ làm tăng CPGD, hạn chế gia nhập ngành, bởi nó ngăn cản tính cơ động của việc các yếu tố sản xuất tồn tại hiện nhiên ở mọi nơi.

Như vậy, lý thuyết về CPGD và thể chế cho thấy rằng, vai trò của quy tắc luật lệ rất quan trọng, nó sẽ góp phần giúp cho giao dịch diễn ra thuận lợi hơn, tuy nhiên cũng không ít trường hợp nó sẽ khiến điều ngược lại xảy ra.

Nếu hệ thống văn bản pháp luật rõ ràng, minh bạch, việc tiếp cận tín dụng được thực hiện với chi phí thấp, hiệu quả và bền vững; ngược lại, người nghèo sẽ không tiếp cận được dịch vụ của MFI, hoặc chi phí tiếp cận cao và hiệu quả thấp. Việc chính thức hóa, hoạt động trong thị trường với luật

chơi rõ ràng, thông tin minh bạch hơn, ứng dụng công nghệ tiên tiến, giúp các MFI trở nên chuyên nghiệp hơn, mang lại lợi ích cho cả MFI lẫn khách hàng.

3. Xu hướng chính thức hóa TCVM và những bài học kinh nghiệm

a. Xu hướng phát triển TCVM trên thế giới

Thương mại hóa TCVM được xem là là xu hướng phát triển tất yếu:

Srniec và Harvland (2004) cho rằng quá trình phát triển của các MFI chia làm 4 giai đoạn:

- 1976 - 1980: Phổ biến hình thức cho vay vi mô và các khái niệm về TCVM.

- 1981 - 1990: Tăng trưởng về số lượng các MFI.

- 1991 - 2000: Các MFI bắt đầu thu được lợi nhuận đáng kể từ các hoạt động của mình.

- Sau năm 2000: Giai đoạn chuyển đổi, các MFI bán chính thức có sự chuyển đổi về mặt chất để trở thành các MFI chính thức - được cấp phép và giám sát hoạt động bởi Ngân hàng Trung ương, nằm dưới sự điều chỉnh của một khuôn khổ pháp luật riêng.

b. Bài học kinh nghiệm về thương mại hóa TCVM

Các MFI được hình thành từ những tổ chức hỗ trợ cộng đồng, cho vay theo nhóm, sau đó chuyển sang cho vay cá nhân, liên kết với các NHTM, đi lên chuyên nghiệp hóa, trở thành một bộ phận của hệ thống tài chính chính thức.

Tuy nhiên, không phải mô



Các MFI mang lại cơ hội tiếp cận nguồn vốn chính thức cho người nghèo

VIỆC CHÍNH THỨC HÓA, HOẠT ĐỘNG TRONG THỊ TRƯỜNG VỚI LUẬT CHƠI RÕ RÀNG, THÔNG TIN MINH BẠCH HƠN, ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TIỀN TIẾN, GIÚP CÁC MFI TRỞ NÊN CHUYÊN NGHIỆP HƠN, MANG LẠI LỢI ÍCH CHO CẢ MFI LẦN KHÁCH HÀNG

hình thương mại hóa TCVM nào cũng thành công. Hệ thống thể chế, quản lý và các nguyên tắc bảo vệ khách hàng không chặt chẽ, hay sự chuyển đổi về lượng không song hành với sự thay đổi về chất sẽ khiến nguy cơ đổ vỡ, khủng hoảng có thể bùng nổ bất cứ lúc nào. Hossain (2013) cho rằng, sau những thành công bước đầu của thương mại hóa, các hệ lụy liên quan tới nợ quá hạn, lãi suất cao sau đó đã dẫn đến khủng hoảng TCVM tại Andhra Pradesh, Ấn Độ - và thương mại hóa TCVM chịu hoàn toàn trách nhiệm về tình trạng này. Bên cạnh đó, các yếu tố như sự bất ổn của kinh tế nông nghiệp và nguồn trả nợ, không có cơ chế tiết kiệm bắt buộc, độc quyền trong cho vay người nghèo và các khoản nợ chồng chéo... cũng là nguyên nhân. Tác giả khuyến nghị cần có sự chuyên nghiệp hóa của các MFI với những nguyên tắc bảo vệ khách hàng và hệ thống quản lý rủi ro; sự can thiệp của Ngân

hàng Trung ương, các hiệp hội TCVM thông qua thiết lập hệ thống thông tin tín dụng và sự kiểm soát một cách cẩn trọng, đảm bảo lợi ích cho cả MFI lẫn người nghèo.

4. Thị trường tài chính vi mô Việt Nam

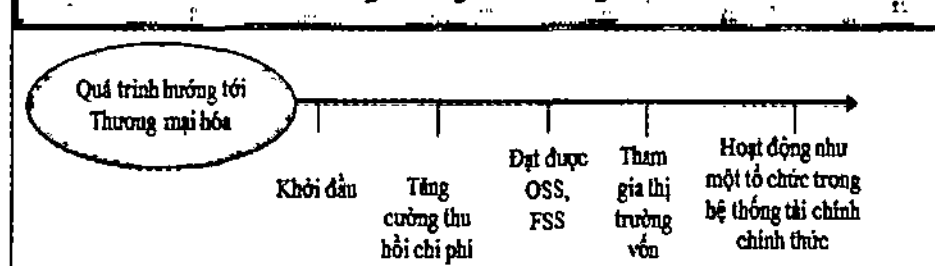
a. Sự phát triển TCVM tại Việt Nam

TCVM ra đời vào cuối thập kỷ 80 và phát triển nhanh chóng dưới nhiều hình thức như mô hình tín dụng, tiết kiệm, gắn với hỗ trợ giáo dục, y tế... nhận sự tài trợ của các tổ chức quốc tế dưới dạng các dự án vì mục tiêu xã hội, tồn tại trong thời gian ngắn; loại hình liên kết giữa Hội phụ nữ và NHTM, bảo lãnh vay theo nhóm không cần tài sản thế chấp; các loại hình chuyên cung cấp dịch vụ TCVM cho phụ nữ nghèo thông qua các tổ chức chính trị xã hội Việt Nam hoặc liên kết với NGOs.

Nghị định 28/2005-NĐCP của Chính phủ về tổ chức và hoạt động TCVM ra đời, đánh dấu khuôn khổ pháp lý đầu tiên cho hoạt động TCVM chính thức. Nghị định 165/2007-NĐCP, Luật TCTD 2010 coi TCVM là một bộ phận của hệ thống tài chính khi công nhận MFIs là một loại hình tổ chức tín dụng (điều 4), "Đề án phát triển các tổ chức TCVM đến năm 2020" và nhiều văn bản hướng dẫn khác tiếp tục mở đường cho các MFI chuyển sang chính thức.

Theo ADB (2010) các nhà cung cấp TCVM tại Việt Nam gồm 3 nhóm: Nhóm chính thức là các NHTM, Ngân hàng chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quỹ tín dụng nhân dân và các MFI chính thức được NHNN cấp phép. Nhóm bán chính thức, gồm các NGO, các quỹ xã hội, quỹ từ thiện... không hoạt động theo Luật các TCTD, không được phép nhận tiền gửi tiết kiệm tự nguyện hay tham gia thị trường vốn.

Hình: Con đường hướng tới thương mại hóa TCVM



Nguồn: Charltonenko 2003, trích Joanna Ledgerwood và Victoria White (2007)

Nhóm thứ ba là các hoạt động phi chính thức, gồm gia đình, bạn bè, dịch vụ cầm đồ, các cá nhân cho vay.

b. Các hoạt động thúc đẩy chính thức hóa TCVM

Việc chính thức hóa TCVM đã được thực hiện hơn một thập kỷ qua. Thông qua xây dựng khung pháp lý cho hoạt động TCVM, nhiều văn bản quy phạm pháp luật được ban hành để điều chỉnh hoạt động TCVM.

Bên cạnh đó, hoạt động chính thức hóa TCVM luôn được sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế. Từ năm 2009 đến nay, nhiều dự án hỗ trợ chính thức hóa được sự giúp đỡ của ADB và Quỹ Giảm nghèo Nhật Bản (JFPR).

Hiện nay, NHNN tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với ADB và các tổ chức quốc tế, triển khai các chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật và tài chính giúp các cơ quan quản lý xây dựng thể chế chính sách, các MFI xây dựng chiến lược hoạt động, tạo ra môi trường chuyên nghiệp, tiến tới xây dựng hệ thống TCVM vững mạnh.

5. Một số kết quả từ chính thức hóa TCVM tại Việt Nam

Hiện tại Việt Nam đã có 3 tổ chức chuyển đổi thành công, việc đánh giá tác động dựa trên 3 tổ chức sẽ còn mang tính chủ quan, tuy nhiên việc đánh giá hiệu quả và bài học kinh nghiệm chuyển đổi rất quan trọng đối với việc hình thành và phát triển ngành TCVM tại Việt Nam. Dưới đây là kết quả sau chuyển đổi của Tổ chức Tài chính vi mô tình thương (TYM) và Tổ chức Tài chính vi mô TNHH M7 (M7-MFI).

a. Sự thay đổi của TYM sau khi chuyển đổi

Sau khi chuyển đổi thành MFI chính thức, cơ cấu vốn của TYM đã có sự thay đổi lớn, với sự giảm sút đáng kể về tỷ lệ vốn chủ sở hữu và tăng lên của nguồn tiền gửi và vốn vay.

Điều này chứng tỏ rằng, việc trở thành MFI chính thức, giúp TYM giảm bớt sự phụ thuộc vào các nguồn vốn trợ cấp, gia tăng huy động tiền gửi và vốn vay.

Sau chuyển đổi tăng mức độ tiếp cận không chỉ ở chiều rộng (số lượng khách hàng), mà về chiều sâu (giá trị khoản vay). Sự tăng trưởng về dư nợ cho vay, số lượng khách hàng cũng như giá trị trung bình của khoản vay,

cho thấy TYM đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng:

Về phạm vi hoạt động được mở rộng từ 16 huyện năm 2007 lên 56 huyện năm 2016, số lượng khách hàng từ hơn 25 nghìn khách hàng năm 2007, đến 2016 con số này tăng gấp hơn 5 lần.

Tuy nhiên, độ tự vững hoạt động-OSS giảm mạnh.

Nguyên nhân là khi chuyển đổi, đầu tư cơ sở vật chất, đặc biệt là hệ thống thông tin quản lý, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu bảo mật, đồng thời việc phải đóng thuế thu nhập dẫn đến gia tăng chi phí hoạt động.

b. Sự thay đổi của M7 sau khi chuyển đổi

Sau khi trở thành MFI chính thức, được phép huy động tiền gửi, tỷ lệ tiết kiệm tự nguyện đã tăng lên nhanh chóng, đặc biệt năm 2014 tăng 52% so với năm 2013.

Tiền gửi bắt buộc tăng từ 6.08 tỷ đồng năm 2007 lên 15.73 tỷ đồng năm 2014, cho thấy sự thay đổi trong cơ cấu vốn của M7-MFI, giúp tổ chức này giảm bớt sự phụ thuộc vào các

nguồn tài trợ, tăng tính chủ động, linh hoạt trong cung ứng dịch vụ cho người nghèo.

Mức độ tiếp cận khách hàng gia tăng cả về dư nợ cho vay, số lượng khách hàng và giá trị trung bình của khoản vay.

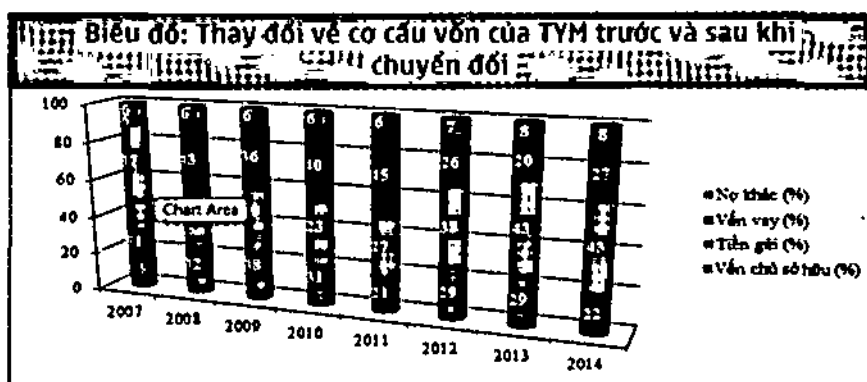
Dư nợ cho vay đã tăng khá đều đặn qua các năm, lượng khách hàng có giảm nhẹ vào năm 2013 nhưng đã tăng trở lại vào 2014, giá trị trung bình của khoản vay cũng tăng từ 4.71 triệu VND/khách hàng năm 2010 lên 9.77 triệu VND/khách hàng năm 2014.

6. Khuyến nghị chính sách và kết luận

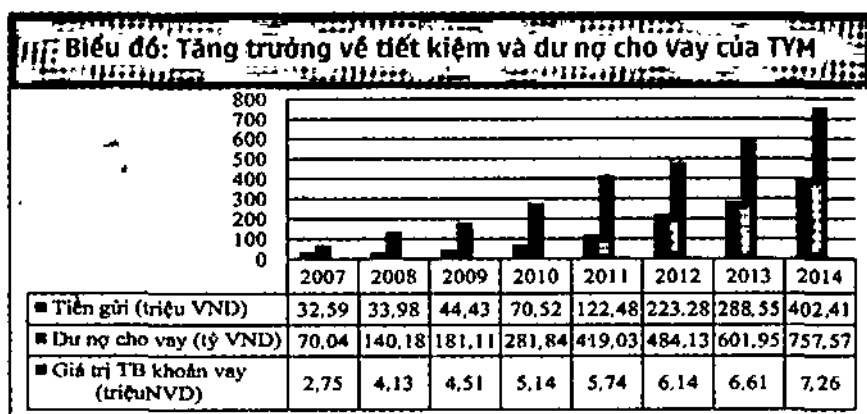
a. Khuyến nghị chính sách

Đối với Ngân hàng Nhà nước:

(i) Về thể chế, chính sách: Đơn giản hóa các yêu cầu, thủ tục chuyển đổi. Quy định rõ về tiêu chuẩn của các chủ thể góp vốn và tỷ lệ góp vốn thành lập MFI chính thức. (ii) Giải quyết tình trạng BOXTT bằng việc hoàn thiện và đưa vào hoạt động Trung tâm thông tin tín dụng TCVM. (iii) Hỗ trợ thành lập Hiệp hội các Tổ chức TCVM: Với mạng lưới hơn 40 MFI đang hoạt



Nguồn: Báo cáo thường niên, Phòng Nghiên cứu-Tuyên truyền TYM



Nguồn: TYM (2008, 2009, 2010), VMFWG (2011, 2012, 2013, 2014), tính toán của tác giả.

động, việc thành lập Hiệp hội TCVM giúp thu hút sự ủng hộ của các cơ quan nhà nước, các tổ chức hoạt động xã hội trong và ngoài nước, giúp các MFI phát huy được nội lực. (iv) Đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức quốc tế như Ngân hàng thế giới, ADB... Thông qua các dự án, Việt Nam được hỗ trợ kỹ thuật lẫn tài chính, tạo nguồn lực phát triển TCVM.

Đối với Bộ Tài chính:

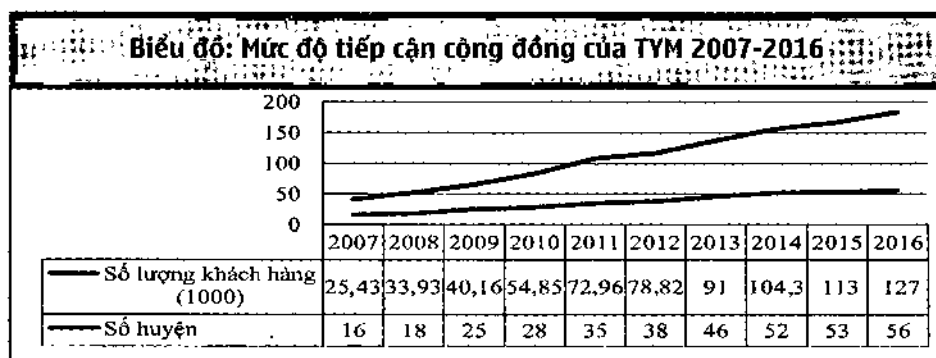
Các MFI mới chuyển đổi thường chi phí hoạt động rất lớn cho việc đầu tư cơ sở vật chất, đóng thuế thu nhập ngay sau khi chuyển đổi sẽ gây khó khăn. Nên miễn thuế cho các MFI 5 năm đầu sau chuyển đổi và giảm 50% mức thuế trong 5 năm tiếp theo, giúp các MFI giảm chi phí, gia tăng ngân quỹ cho việc cấp tín dụng hoặc các dịch vụ phi tín dụng khác giúp việc sử dụng vốn hiệu quả hơn.

Đối với các MFI

Xây dựng và tin học hóa hệ thống cơ sở dữ liệu về thông tin khách hàng giúp giảm thời gian và chi phí cho việc tìm kiếm thông tin khách hàng trong khi nguồn nhân lực còn khá hạn chế về số lượng. Đồng thời trang bị cho cán bộ kế toán và nhân viên kế toán máy tính và phần mềm quản lý quan hệ khách hàng để giảm thời gian và chi phí tìm kiếm thông tin.

Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu: TCVM cho vay khách hàng nhỏ, và mỗi cán bộ kỹ thuật quản lý số lượng lớn khách hàng, vì vậy cần được đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn quản lý, và kỹ năng giao tiếp, xử lý các vấn đề phát sinh, đặc biệt là trong quá trình cưỡng chế thu nợ, tránh gây ra hình ảnh xấu đối với khách hàng.

Đảm bảo tiếp cận tín dụng cho người nghèo và người thu nhập thấp. MFI luôn phải cân bằng mục tiêu xã hội và mục tiêu lợi nhuận. Phân chia khách hàng thành các nhóm



Nguồn: Báo cáo thường niên, Phòng Nghiên cứu-Tuyên truyền TYM

VỚI MẠNG LƯỚI HƠN 40 MFI ĐANG HOẠT ĐỘNG, VIỆC THÀNH LẬP HIỆP HỘI TCVM GIÚP THU HÚT SỰ ỦNG HỘ CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, CÁC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC, GIÚP CÁC MFI PHÁT HUY ĐƯỢC NỘI LỰC

khác nhau theo khả năng hoàn trả và cấp tín dụng với cách thức và lãi suất khác nhau. Nhóm những đối tượng có khả năng hoàn trả cao, việc cung cấp tín dụng có thể áp dụng các phương thức và lãi suất hiện tại. Thực hiện cấp vốn với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ kỹ thuật sản xuất kinh doanh và đầu ra sản phẩm cho các đối tượng nghèo nhất, nhưng có nhu cầu vay và quyết tâm phát triển kinh tế. Như vậy, sẽ tốn kém chi phí của MFI hơn, tuy nhiên hiệu quả tiếp cận sẽ tăng lên cả về chiều rộng và chiều sâu, đặc biệt là những đối tượng nghèo nhất cũng sẽ được tiếp cận TD chính thức an toàn và hiệu quả.

b. Kết luận

Việc MFIs tồn tại dưới dạng bán chính thức, sẽ hạn chế tiếp cận tín dụng của khách hàng, tuy nhiên chuyển đổi lên chính thức cũng chưa thực sự gia tăng tiếp cận tín dụng của người nghèo trong môi trường chính sách pháp luật nhiều bất

cập hiện nay. Nguyên nhân đến từ các quy định, chính sách và cả từ MFI.

Bởi vậy, bên cạnh việc nâng cao năng lực hoạt động của các MFI, cũng rất cần tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách dành cho hoạt động TCVM để phát huy tối đa những lợi ích mà hoạt động này mang lại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Karla Hoff và J.E Stiglitz (1993), "Giới thiệu: Thông tin không hoàn hảo và thị trường tín dụng nông thôn - Những vấn đề rắc rối và quan điểm chính sách". Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright.
2. MicroSave (2015), "Kiến thức cơ bản về tài chính vi mô". Phú Yên 2015.
3. Nguyễn Kim Anh và đồng tác giả (2013), "Mức độ bền vững của các Tổ chức tài chính vi mô Việt Nam: Thực trạng và một số khuyến nghị". Hà Nội 2013.
4. Douglass C. North (1991), (bản dịch của D.T.P Thảo và N.T Liên), "Institutions", The Journal of Economic Perspectives, quyển 5, số 1, tr. 97-112.
5. Tín dụng đen là gì, khái niệm Tín dụng đen? <http://thuatngu.org/> Kelly Hattel and Sahra S. Halpern (2002), "Challenges to Microfinance Commercialization", Summary of "Challenges to Microfinance Commercialization" Conference Convened at The World Bank June 4-6, 2001, MicroFinance Network and ACCION International, Washington DC USA 2002.
6. Shahadat Hossain (2013), "Is commercialization of microfinance responsible for over-indebtedness? The case of Andhra Pradesh Crisis", Journal of Economic and Sustainable Development Vol.4, No.17, 2013.
7. Ledgerwood, Joanna et al (2007), "Transforming microfinance institutions - Providing Full Financial Services to the Poor", Washington, DC 2007.



MFI luôn phải cân bằng mục tiêu xã hội và mục tiêu lợi nhuận

ẢNH: ĐĂNG TUYẾN